

Số: 145/2015/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
5 năm 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 ngày 25 tháng 9 năm 2015; sau khi xem xét Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2015; Báo cáo thẩm tra số 547/BC-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 2016 – 2020.

1. Mục tiêu tổng quát:

Tranh thủ thời cơ, vận hội mới; tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; coi phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là nền tảng, phát triển công nghiệp là then chốt, tập trung phát triển du lịch và các dịch vụ có lợi thế. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chăm lo phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; quan tâm bảo vệ môi trường, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo cho phát triển nhanh và bền vững. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Phân đấu đến năm 2020 trở thành tỉnh khá của cả nước, tạo nền tảng đến năm 2030 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

2.1. Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 12% trở lên¹; trong đó, năm 2016 tăng trưởng 9%; năm 2017 tăng 18,9%; năm 2018 tăng 17%; năm 2019 tăng 10,1%; năm 2020 tăng 9,4%.

- GRDP bình quân đầu người năm 2016 đạt 1.630 USD; năm 2017 đạt 2.150 USD; năm 2018 đạt 2.700 USD; năm 2019 đạt 3.150 USD; năm 2020 đạt 3.600 USD.

- Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP:

	2016	2017	2018	2019	2020
Nông, lâm, thủy sản	17,9%	14,9%	13,3%	12,1%	11,6%
Công nghiệp - xây dựng	39,6%	45,5%	50,0%	50,4%	50,8%
Dịch vụ	38,2%	34,8%	32,2%	32,9%	33,1%
Thuế sản phẩm	4,3%	4,8%	4,5%	4,7%	4,5%

- Giảm dần tổng sản lượng lương thực hàng năm, từ năm 2020 giữ mức ổn định khoảng 1,5 triệu tấn/năm. Năm 2016 ước đạt 1,674 triệu tấn; năm 2017 là 1,642 triệu tấn; năm 2018 là 1,604 triệu tấn; năm 2019 là 1,547 triệu tấn; năm 2020 là 1,5 triệu tấn.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2016 đạt 1,62 tỷ USD; năm 2017 đạt 1,7 tỷ USD; năm 2018 đạt 1,85 tỷ USD; năm 2019 đạt 1,95 tỷ USD; năm 2020 đạt 2 tỷ USD trở lên.

- Tổng huy động vốn đầu tư phát triển 5 năm đạt 615.000 tỷ đồng; trong đó năm 2016 đạt 125.000 tỷ đồng; năm 2017 đạt 118.200 tỷ đồng; năm 2018 đạt 116.500 tỷ đồng; năm 2019 đạt 122.600 tỷ đồng; năm 2020 đạt 132.700 tỷ đồng.

- Tỷ lệ đô thị hoá năm 2016 đạt 26%; năm 2017 đạt 28,6%; năm 2018 đạt 31%; năm 2019 đạt 33,4%; năm 2020 đạt 35% trở lên.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 đạt 26,2%; năm 2017 đạt 29,7%; năm 2018 đạt 37,2%; năm 2019 đạt 44,7%; năm 2020 đạt 55,8% trở lên.

- Năng suất lao động xã hội bình quân hàng năm tăng 11,8%; trong đó năm 2016 tăng 8%; năm 2017 tăng 18%; năm 2018 tăng 16%; năm 2019 tăng 9,1%; năm 2020 tăng 8,4%.

2.2. Về văn hóa - xã hội:

- Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm dưới 0,65%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2016 là 45%; năm 2017 là 42,5%; năm 2018 là 40%; năm 2019 là 37,5%; năm 2020 là 35%.

- Trong 5 năm giải quyết việc làm mới cho khoảng 330 nghìn người; trong đó năm 2016 là 64 nghìn người; năm 2017 là 65,5 nghìn người; năm 2018 là 66 nghìn người; năm 2019 là 67 nghìn người; năm 2020 là 67,5 nghìn người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2016 đạt 58% (trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt ít nhất 21%); năm 2017 đạt 61% (22%); năm 2018 đạt 64%

¹ Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 được tính theo phương pháp mới (GRDP). Nếu tính theo phương pháp cũ (GDP) thì tăng trưởng khoảng 14,5% - 15%.

(23%); năm 2019 đạt 67% (24%); năm 2020 đạt 70% trở lên (25%).

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế: năm 2016 đạt 55%; năm 2017 đạt 59%; năm 2018 đạt 65%; năm 2019 đạt 68%; năm 2020 đạt 70%.

- Số giường bệnh/1 vạn dân: năm 2016 đạt 25,6; năm 2017 đạt 26,1; năm 2018 đạt 27; năm 2019 đạt 27,55; năm 2020 đạt 28,4.

- Số bác sỹ/1 vạn dân: năm 2016 đạt 7,6; năm 2017 đạt 8,5; năm 2018 đạt 9; năm 2019 đạt 9,5; đến năm 2020, đạt 10,0.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên tổng dân số: năm 2016 đạt 76%; năm 2017 đạt 79%; năm 2018 đạt 80,4%; năm 2019 đạt 81,4%; năm 2020 đạt 82,1%.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm trên 2,5% (theo chuẩn mới).

- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia năm: 2016 đạt 55,3%; năm 2017 đạt 58,9%; năm 2018 đạt 62,5%; năm 2019 đạt 66,2%; năm 2020 đạt 70% trở lên.

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2018 đạt 5%, năm 2019 đạt 7%, năm 2020 đạt 10% trở lên.

2.3. Về môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng: năm 2016 đạt 52,1%; năm 2017 đạt 52,2%; năm 2018 đạt 52,3%; năm 2019 đạt 52,4%; năm 2020 đạt 52,5%.

- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch (theo chuẩn mới): năm 2016 đạt 87%; năm 2017 đạt 90%; năm 2018 đạt 92%; năm 2019 đạt 93%; năm 2020 đạt 95% trở lên.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh (theo chuẩn mới): năm 2016 đạt 88%; năm 2017 đạt 90%; năm 2018 đạt 92%; năm 2019 đạt 94%; năm 2020 đạt 95% trở lên.

- Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn: năm 2016 đạt 65%; năm 2017 đạt 70%; năm 2018 đạt 73%; năm 2019 đạt 77%; năm 2020 đạt 80% trở lên.

- Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn: năm 2016 đạt 94%; năm 2017 đạt 96%; năm 2018 đạt 98%; năm 2019 đạt 99%; năm 2020 đạt 100%.

2.4. Về an ninh trật tự:

Hàng năm có 70% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG CẢ GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2016 - 2020 VÀ TỪNG NĂM KẾ HOẠCH

II.1. Nhiệm vụ chủ yếu trong cả giai đoạn 2016 - 2020.

1. Về kinh tế.

- Phát triển nông, lâm, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn với hàm lượng công nghệ cao. Từ nay đến năm 2020, chuyển đổi 33,3 nghìn ha đất lúa năng suất thấp sang trồng cỏ, thức ăn gia súc, nuôi trồng thủy sản; phát

triển vùng lúa thâm canh 150 nghìn ha; vùng rau an toàn tập trung 12 nghìn ha. Đối với cây công nghiệp: giảm diện tích mía nguyên liệu còn 25,8 nghìn ha, ổn định diện tích sắn 11 nghìn ha. Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung; nâng tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp lên 45% vào năm 2020. Phát triển lâm nghiệp bền vững; mỗi năm trồng mới 10 nghìn ha rừng; đến năm 2020, phát triển 56 nghìn ha rừng gỗ lớn, khoảng 30 nghìn ha luồng thâm canh. Phát triển thủy sản cả về nuôi trồng, khai thác gắn với chế biến và dịch vụ hậu cầu nghề cá; chú trọng khai thác thủy sản xa bờ để nâng cao giá trị kinh tế. Đẩy mạnh chương trình xây dựng nông thôn mới, để đến năm 2020 có 55,8% tổng số xã toàn tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

- Đối với các ngành công nghiệp hiện có, khuyến khích đổi mới công nghệ, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất để nâng cao chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh. Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp chế biến, công nghệ hiện đại; hạn chế công nghiệp khai thác tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường. Tiếp tục phát triển TTCN gắn với khôi phục nghề truyền thống và nhân cây nghề mới.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện để sớm hoàn thành các dự án công nghiệp quy mô lớn như: Lọc hóa dầu Nghi Sơn, nhiệt điện Nghi Sơn 2, thép Nghi Sơn, thủy điện Trung Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1, sản xuất dầu ăn. Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng KKT Nghi Sơn, các KCN, cụm CN theo hướng đồng bộ, hiện đại, tạo thuận lợi thu hút đầu tư, tăng tỷ lệ lấp đầy.

- Tập trung phát triển nhanh, đa dạng sản phẩm và nâng cao chất lượng các loại dịch vụ; trong đó chú trọng phát triển các ngành dịch vụ du lịch, vận tải kho bãi, logistics, hỗ trợ doanh nghiệp, giáo dục và đào tạo, y tế, thông tin và truyền thông, khoa học công nghệ để trở thành các ngành dịch vụ trọng điểm với sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn.

2. Về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2.1. Hạ tầng giao thông:

- Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, các nhà tài trợ để hoàn thành đầu tư nâng cấp, mở rộng QL 217, 45, 47, 10, 15A, 15C, cầu Thiệu Khánh, cầu Đò Đại. Xây dựng đường cao tốc Bắc Nam, đường bộ ven biển đoạn qua Thanh Hoá. Thu hút các nhà đầu tư nâng cấp một số tuyến quốc lộ quan trọng bằng hình thức BOT. Hoàn thành đầu tư các tuyến tỉnh lộ trọng điểm, gồm: Đại lộ Nam sông Mã, đường Voi - Sầm Sơn, đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa...; đầu tư hoàn thành các cầu lớn như: cầu Cẩm Lương, cầu Hoàng Khánh, cầu Ghép, cầu Nam Khê, cầu Thiệu Khánh. Đến năm 2020, các tuyến đường tỉnh khu vực đồng bằng đạt tối thiểu cấp III, IV; khu vực miền núi đạt cấp IV, V. Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn đảm bảo đến năm 2020, 100% đường huyện và 85% đường xã được cứng hóa; hoàn thành xây dựng hệ thống cầu treo trên địa bàn các huyện miền núi.

- Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương để Nâng cấp cảng hàng không Thọ Xuân theo hướng hiện đại để trở thành cảng hàng không quốc tế, dự bị cho

Cảng hàng không Nội Bài. Nâng cấp hệ thống đường sắt qua địa bàn tỉnh; xây dựng một số cầu đường bộ vượt đường sắt.

- Đầu tư xây dựng cảng tổng hợp, cảng chuyên dùng để sớm hoàn chỉnh cụm cảng nước sâu Nghi Sơn theo quy hoạch. Từng bước đầu tư nâng cấp, mở rộng cảng Lễ Môn, cảng Quảng Châu, Quảng Nham. Cải tạo tuyến vận tải thủy Thanh Hóa - Ninh Bình; hệ thống bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách, như: Hàm Rồng, Thiệu Khánh, Cầu Tào, Bút Sơn...

2.2. Mạng lưới cấp điện, cấp thoát nước:

Đầu tư nâng cấp mạng lưới truyền tải và phân phối điện trên địa bàn tỉnh, đảm bảo cấp điện ổn định, giảm sự cố và tổn thất điện năng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị, đảm bảo đến năm 2020, tổng công suất các nhà máy cấp nước đạt 452 nghìn m³/ngày đêm; trong đó ưu tiên cấp nước cho các thành phố, thị xã và KKT Nghi Sơn. Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát và thu gom, xử lý nước thải cho thành phố và các thị xã, KCN, KKT.

2.3. Hạ tầng thông tin, truyền thông:

Đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng viễn thông với công nghệ hiện đại, độ bao phủ rộng, chất lượng cao. Đến năm 2020, hạ tầng viễn thông đáp ứng mật độ thuê bao điện thoại cố định và di động đạt 82,9 thuê bao/100 dân; tỷ lệ thuê bao Internet đạt 24,2 thuê bao/100 dân. Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin; thực hiện có hiệu quả mạng truyền số liệu tại các cơ quan Đảng, Nhà nước; củng cố hệ thống viễn thông phục vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

2.4. Hạ tầng thủy lợi, thủy sản:

- Tập trung xây dựng, sớm đưa vào hoạt động hệ thống kênh Bắc Hồ cửa Đạt; nâng cấp đập Bái Thượng, xây dựng hệ thống thủy lợi sông Lèn, cải tạo và nâng cấp hệ thống thủy lợi vùng III Nông Cống. Đối với các huyện miền núi, tập trung nâng cấp, xây dựng các hồ chứa, đập dâng, trạm bơm tưới và kiên cố hệ thống kênh mương để tăng cường năng lực tưới chủ động. Triển khai nạo vét các trục tiêu và xây mới các trạm bơm tiêu để tăng khả năng tiêu thoát nước, nhất là ở các vùng trũng. Nâng cấp các tuyến đê sông, đê biển tại những nơi xung yếu.

- Nâng cấp, mở rộng cảng cá Lạch Bạng, Lạch Hới, Hòa Lộc; các khu neo đậu tránh trú bão Sao La, cửa sông Lý; đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Nga Sơn. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nâng cấp các cơ sở chế biến, hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá.

2.5. Hạ tầng đô thị:

Phát triển đô thị theo hướng phân bố hợp lý giữa các vùng, miền; kết hợp hài hòa giữa cải tạo, nâng cấp các đô thị hiện có với phát triển các đô thị mới xanh, sạch, hiện đại với mật độ xây dựng hợp lý. Ưu tiên nguồn lực đầu tư đồng bộ, hiện đại hạ tầng thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn, các đô thị Nghi Sơn, Ngọc Lặc, Lam Sơn - Sao Vàng; đến năm 2020, toàn tỉnh có 70

đô thị: 1 đô thị loại I (TP. Thanh Hóa), 4 đô thị loại III (Bỉm Sơn, Sầm Sơn, Nghi Sơn, Lam Sơn - Sao Vàng), 2 đô thị loại IV (Rừng Thông, Ngọc Lặc), 63 đô thị loại V.

2.6. Hạ tầng văn hóa - xã hội:

- Từng bước đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giáo dục, đào tạo từ mầm non đến đại học, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đến năm 2020, kiên cố hóa trường lớp học đạt 87%; 70% trường đạt chuẩn quốc gia. Xây dựng Trường THPT chuyên Lam Sơn thành trường trọng điểm quốc gia. Hoàn thiện cơ sở vật chất các trường Đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường nguồn lực đầu tư cho hạ tầng khoa học công nghệ; trước mắt tập trung phát triển khu nông nghiệp, khu công nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng và một số trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh; đa khoa tuyến huyện, các trạm y tế xã. Huy động các nguồn vốn để đầu tư Bệnh viện Đa khoa mới (700 giường); Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình (300 giường), Bệnh viện Ung bướu (500 giường); Khoa khám bệnh quốc tế thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh (100 giường bệnh).

- Dành nguồn lực phù hợp để đầu tư các công trình văn hóa, thể thao ở cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, đáp ứng yêu cầu phát triển. Tiếp tục trùng tu, tôn tạo, phục hồi các di tích trọng điểm như: Lam Kinh, Bà Triệu, Phủ Trịnh, Thành nhà Hồ, Hàm Rồng; các công trình văn hóa lớn như: Nhà hát Thanh Hóa; Bảo tàng tỉnh. Đầu tư Khu liên hợp thể dục thể thao của tỉnh và cải tạo, nâng cấp các trung tâm thể thao cấp huyện; đến 2020, phấn đấu 100% các huyện có sân vận động, nhà thi đấu đa năng.

3. Về phát triển các vùng kinh tế động lực.

- Phát triển “tứ giác” kinh tế của tỉnh, gồm: TP. Thanh Hóa - Sầm Sơn; KKT Nghi Sơn; KCN Lam Sơn - Sao Vàng; KCN Bỉm Sơn - Thạch Thành, để thu hút đầu tư, tạo thành các cực tăng trưởng và sức lan tỏa cho toàn bộ nền kinh tế.

- Phát triển kinh tế theo 3 trục chủ yếu, gồm: Trục quốc lộ 1A: TX. Bỉm Sơn - TP. Thanh Hóa - KKT Nghi Sơn; Trục đường Hồ Chí Minh: từ Thạch Thành đi Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Lam Sơn - Sao Vàng, Bãi Trành; Trục quốc lộ 45 và 47: từ TX. Sầm Sơn - TP. Thanh Hóa - đi KCN Lam Sơn - Sao Vàng.

4. Về phát triển văn hóa - xã hội.

- Phát triển khoa học công nghệ gắn với yêu cầu tái cơ cấu nền kinh tế của tỉnh và nhu cầu thị trường; nâng cao năng lực tiếp thu, làm chủ, ứng dụng các công nghệ tiên tiến; hình thành và phát triển thị trường khoa học công nghệ.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non, trung học cơ sở; hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 trước năm 2020. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn; khắc phục chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các vùng miền. Phát triển một số trường đào tạo nghề trọng

điểm, chất lượng cao đạt chuẩn quốc gia, khu vực.

- Xây dựng hệ thống y tế theo hướng hiện đại để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Phát triển mạng lưới y tế dự phòng bảo đảm khả năng dự báo, kiểm soát và phòng chống dịch bệnh. Thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình; bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 33 NQ/TW Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Phát triển, nâng cao vai trò, hiệu quả các hoạt động văn hóa; thực hiện trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích; xây dựng các công trình văn hóa lớn. Phát triển thể thao quần chúng; duy trì và nâng cao thành tích các môn thể thao mà tỉnh có thế mạnh.

- Hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 66 nghìn lao động, đào tạo nghề cho 77,8 nghìn người; giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm 2,5% trở lên. Khuyến khích mở rộng bảo hiểm y tế toàn dân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đạt kế hoạch đề ra.

5. Tài nguyên và môi trường.

Quản lý tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường theo hướng bền vững. Cơ bản hoàn thành đo vẽ bản đồ, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai toàn tỉnh. Giải quyết có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại các nhà máy, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, đô thị. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ môi trường; quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học. Bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH và đời sống nhân dân. Thực hiện tốt các giải pháp nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

6. Về quốc phòng - an ninh.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới; Nghị quyết 28 NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc; thực hiện có hiệu quả các đề án đảm bảo quốc phòng - an ninh của tỉnh. Bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo và củng cố quốc phòng - an ninh. Tăng cường đấu tranh, kiềm chế tội phạm; giảm tai nạn giao thông. Chủ động xây dựng phương án, lực lượng, phương tiện phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo.

II.2. Một số nhiệm vụ chủ yếu trong từng năm kế hoạch.

1. Kế hoạch năm 2016.

- Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các dự án có sử dụng đất; đề xuất các biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và kiên quyết thu hồi, xử lý nghiêm các chủ đầu tư, đơn vị vi phạm quy định, chậm trễ trong việc tổ chức thực hiện dự án.

- Hoàn thành Đề án phát triển doanh nghiệp và xây dựng đội ngũ doanh nhân đến năm 2020.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để xử lý triệt để tình trạng sử dụng các chất cấm trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và đảm bảo ATVSTP.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; hoàn chỉnh và trình duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

- Tăng cường chỉ đạo giải quyết có kết quả tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là những khu vực ô nhiễm nghiêm trọng và kéo dài.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý nghiêm các cá nhân, đơn vị vi phạm để tạo chuyển biến từ đầu nhiệm kỳ; thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Lập, trình duyệt quy hoạch chung xây dựng KKT Nghi Sơn theo quy mô mở rộng (106.000 ha) để đầu tư kết cấu hạ tầng và kêu gọi thu hút đầu tư. Tập trung đầu tư cơ bản hoàn thiện hạ tầng khu du lịch Sầm Sơn.

- Khởi công; hoàn thành một số công trình, dự án quan trọng, gồm:

+ *Khởi công*: NM nhiệt điện Nghi Sơn 2; NM xi măng Long Sơn (GD 2); Hạ tầng KCN số 3 - KKT Nghi Sơn; Hệ thống cấp nước KKT Nghi Sơn; Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn; các dự án đầu tư vào nông nghiệp của các tập đoàn Vingroup, FLC; Nâng cấp, mở rộng đường 513 - KKT Nghi Sơn; Nâng cấp, mở rộng QL 45, QL 47; Trung tâm thương mại - khách sạn của tập đoàn Vingroup; Trung tâm hành chính TP. Thanh Hóa; một số khu đô thị mới tại TP. Thanh Hóa; Bệnh viện ung bướu; Dự án bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử Phủ Trịnh.

+ *Hoàn thành*: NM xi măng Long Sơn (GĐI); Thủy điện Bá Thước 1; Thủy điện Trung Sơn; Sản xuất dầu ăn và các sản phẩm chiết suất từ dầu ăn; một số dự án may mặc, da giày như: may xuất khẩu S&H Vina tại Thạch Thành, sản xuất giày dép xuất khẩu Yên Định (GĐI); Đại lộ Nam sông Mã; đường Hồ Xuân Hương và hạ tầng cảnh quan bãi biển Sầm Sơn; Đường nối các huyện ở Tây Thanh Hóa; Đường Hồi Xuân - Tén Tàn.

2. Kế hoạch năm 2017.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, giải quyết khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện để Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn hoàn thành đúng kế hoạch, đưa dự án vào vận hành thương mại trong nửa cuối năm 2017.

- Tranh thủ thời cơ, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, kêu gọi các dự án công nghiệp phụ trợ sau lọc dầu như: sản xuất Poly Propylyne; sợi tổng hợp PET; phân bón DAP.

- Nâng cấp huyện Tĩnh Gia thành đô thị loại 3; TX. Sầm Sơn là thành phố trực thuộc tỉnh; cơ bản hoàn thiện hạ tầng các khu du lịch Hàm Rồng, Lam Kinh.

- Khởi công; hoàn thành một số công trình, dự án quan trọng, gồm:

+ *Khởi công*: Đường ven biển từ TX. Sầm Sơn đi KKT Nghi Sơn; cầu Hoàng Khánh, Thiệu Khánh, Cẩm Vân, Nam Khê; Hạ tầng KCN số 4 - KKT Nghi Sơn; Khu đô thị mới Đông Nam TP. Thanh Hóa; Khu đô thị Trung tâm KKT Nghi Sơn; KCN sản xuất hóa chất - KKT Nghi Sơn; Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; Khu liên hợp thể dục, thể thao tỉnh; Nâng cấp đê tả, hữu sông Chu; Bảo tàng tỉnh; Khu di tích quốc gia đặc biệt đền Bà Triệu; Trường cao đẳng nghề Nghi Sơn; Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn; Bệnh viện chấn thương chỉnh hình; Bệnh viện phụ sản; nhà máy xử lý rác thải tại xã Đông Nam.

+ *Hoàn thành*: dự án Trung tâm thương mại - khách sạn của tập đoàn Vingroup; trung tâm hành chính TP. Thanh Hóa; Đường vành đai phía Tây TP. Thanh Hóa (GĐI); Đường nối cảng hàng không Thọ Xuân với Khu Kinh tế Nghi Sơn.

3. Kế hoạch năm 2018.

- Rà soát, đánh giá 3 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu kinh tế; Đề án tái cơ cấu các ngành dịch vụ và đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Đến hết năm 2018, giải quyết cơ bản những hạn chế về: tình trạng quá tải ở các bệnh viện công lập; nhà ở cho công nhân ở các KCN; doanh nghiệp nợ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động; vận chuyển, khai thác khoáng sản trái phép.

- Xây dựng đề án, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập KKT cửa khẩu Na Mèo; nâng cấp các cửa khẩu Tén Tàn, cửa khẩu Khẹo. Xây dựng đề án nâng cấp đô thị Ngọc Lặc lên đô thị loại IV.

- Khởi công; hoàn thành một số công trình, dự án quan trọng, gồm:

+ *Khởi công*: Nâng cấp đê tả, hữu sông Mã; Hạ tầng KCN số 5 - KKT Nghi Sơn; KCN Ngọc Lặc; KCN Thạch Quảng; KCN Bãi Trành; Đường từ phía nam tỉnh Ninh Bình đi Cảng hàng không Thọ Xuân. Bệnh viện đa khoa tỉnh (mới); Quảng trường trung tâm TP. Thanh Hóa; Quảng trường biển Sầm Sơn; Nhà hát tỉnh.

+ *Hoàn thành*: Bệnh viện ung bướu; Nâng cấp mở rộng QL45, QL47; Đường từ QL1A vào NM xi măng Long Sơn; NM thủy điện Hồi Xuân; cảng tổng hợp quốc tế gang thép Nghi Sơn; NM xi măng Long Sơn (GĐII); Cơ sở vật chất Trường ĐH văn hóa, thể thao và du lịch; Trường Cao đẳng y Thanh Hóa.

4. Kế hoạch năm 2019.

- Đề xuất với Trung ương cho phép thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Nghi Sơn; cơ bản hoàn thành hạ tầng KKT Nghi Sơn theo phạm vi 18.611 ha.

- Tập trung dồn đốc, đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn và phấn đấu hoàn thành các dự án: Nhiệt điện Nghi Sơn 2; Hạ tầng KCN FLC Hoàng Long; KCN Lam Sơn - Sao Vàng; Đường Đông Tây - KKT Nghi

Son; Cấp điện nông thôn tỉnh Thanh Hóa; Hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã; Bệnh viện chấn thương chỉnh hình.

5. Kế hoạch năm 2020.

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2016 - 2020; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025.

- Đến năm 2020, hoàn thiện hạ tầng các khu du lịch: Hải Hòa, Hải Tiến, Bến En, di tích Thành Nhà Hồ.

- Khởi công; hoàn thành một số công trình, dự án quan trọng, gồm:

+ *Khởi công*: Khu nông nghiệp công nghệ cao thị trấn Thống Nhất.

+ *Hoàn thành*: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn; Hạ tầng KCN Lam Sơn - Sao Vàng; Nâng cấp Cảng hàng không Thọ Xuân thành cảng quốc tế; Đường ven biển từ TX. Sầm Sơn đi KKT Nghi Sơn; Đường cao tốc Ninh Bình - Thanh Hóa; Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; Bảo tàng tỉnh; Bệnh viện đa khoa tỉnh (mới); Trường ĐH Hồng Đức; Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn; Bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử Phủ Trịnh.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2016 - 2020

1. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Đề án tái cơ cấu kinh tế của tỉnh, các ngành, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch cho phù hợp với tình hình mới. Trong quá trình rà soát, xây dựng quy hoạch phải lấy ý kiến các nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân; công bố công khai quy hoạch và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

2. Tiếp tục cải thiện, tạo sức hấp dẫn mới về môi trường đầu tư kinh doanh, huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-TU của BCH Tỉnh ủy, Chương trình hành động của UBND tỉnh về cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; từ đó đề xuất các giải pháp tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; phân đấu các chỉ số phản ánh môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh đứng trong top 10 cả nước.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã ban hành cho phù hợp với điều kiện thực tế, đồng thời xây dựng một số chính sách mới để thúc đẩy sự phát triển trên các lĩnh vực.

Nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư; thực hiện tốt các cam kết thuộc trách nhiệm của tỉnh về giải phóng mặt bằng, cấp điện, cấp nước,... để tạo thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai dự án.

Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, các doanh nghiệp nhà nước để tranh thủ tối đa nguồn vốn NSTW, vốn TPCP đầu tư trên địa bàn. Tăng cường khai

thác vốn từ quỹ đất; đặc biệt khuyến khích doanh nghiệp đầu tư hạ tầng theo hình thức PPP.

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, khởi dậy tinh thần kinh doanh, khuyến khích nhân dân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng; tổ chức thực hiện tốt Luật Đầu tư công, Luật xây dựng và văn bản pháp luật có liên quan.

3. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tạo chuyển biến tích cực về cơ cấu kinh tế và chất lượng tăng trưởng.

3.1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Rà soát điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng, thị trấn Thống Nhất và hình thành vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao dọc đường Hồ Chí Minh để phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

Phát triển chăn nuôi trang trại tập trung; khai thác thế mạnh về đất đai, đồng cỏ để phát triển nhanh đàn bò sữa, bò thịt, trọng tâm là thực hiện tốt dự án chăn nuôi tập trung do Vinamilk, TH True milk, Hoàng Anh Gia Lai đầu tư.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo hướng ổn định diện tích rừng đặc dụng, tăng diện tích rừng trồng kinh doanh gỗ lớn; phát triển vùng luồng thâm canh. Phát triển các vùng trồng quế và cây dược liệu dưới tán rừng.

Khai thác tối đa tiềm năng nước mặn, nước lợ, nước ngọt để phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản. Nâng cao hiệu quả khai thác các cảng cá, bến cá, tạo điều kiện phát triển khai thác thủy sản xa bờ, các dịch vụ hậu cần và các đô thị nghề cá.

Kiên toàn và nâng cao năng lực hoạt động của các Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới; chú trọng lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư hạ tầng; tiếp tục phát triển các mô hình sản xuất mới có hiệu quả.

3.2. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp đang triển khai để sớm hoàn thành đưa vào hoạt động. Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại. Đối với các sản phẩm có khả năng cạnh tranh như: xi măng, gạch, sữa, thủy sản, điện sản xuất, sản phẩm gỗ,... tạo điều kiện để các doanh nghiệp nâng cấp dây chuyền sản xuất nhằm giữ vững thị trường và tăng sản lượng. Từ nay đến năm 2020, đẩy mạnh thu hút đầu tư và mở rộng sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, như: dầu mỏ và sản phẩm sau lọc dầu, sản xuất điện, ô tô, thiết bị điện tử, tin học,... Tiếp tục mở rộng quy mô của các cơ sở may mặc, giày, tạo việc làm cho người lao động nhưng sau năm 2020 sẽ không mở rộng các ngành này. Duy trì quy mô sản xuất thuốc lá, đá ốp lát, quặng secpentine... gắn với đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả, bảo đảm môi trường và an toàn lao động.

Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng KKT Nghi Sơn và các KCN hiện có theo hướng đồng bộ, hiện đại để tăng tỷ lệ lấp đầy. Hình thành các KCN Bãi Trành, Ngọc Lặc, Thạch Quảng. Rà soát, lựa chọn một số cụm công nghiệp ở các huyện có tiềm năng, vị trí thuận lợi để tập trung đầu tư.

3.3. Khuyến khích đầu tư hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và thu hút các tập đoàn bán lẻ đa quốc gia; chuyển đổi hình thức, cơ chế quản lý chợ. Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, nguồn hàng xuất khẩu; rà soát, đánh giá các sản phẩm của tỉnh có lợi thế, khả năng cạnh tranh cao và những sản phẩm sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các hiệp định thương mại tự do như: AFTA, TPP, ... để có kế hoạch, giải pháp phù hợp cho các mặt hàng xuất khẩu.

Đẩy mạnh phát triển các loại hình du lịch sinh thái biển, du lịch di sản, tâm linh. Đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng du lịch: Sầm Sơn, Lam Kinh, Thành Nhà Hồ,...; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch.

Phát triển đa dạng các loại hình vận tải; trong đó ưu tiên các dịch vụ cảng biển, logistics; vận tải đường hàng không. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, trong đó ưu tiên sản phẩm dịch vụ phần mềm và nội dung số.

Khuyến khích các tổ chức tín dụng mở rộng quy mô và phát triển mạng lưới trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy thị trường tài chính phát triển, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế; phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

4. Phát triển doanh nghiệp và xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực cạnh tranh cao và uy tín trên thương trường.

Triển khai thực hiện tốt Đề án phát triển doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân. Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa DNNN theo lộ trình; khuyến khích phát triển nhanh doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp FDI; đồng thời quan tâm phát triển một số doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế mạnh và doanh nghiệp khoa học công nghệ. Thường xuyên tổ chức đối thoại giữa chính quyền và doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp. Thực hiện có hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng doanh nhân.

5. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Mở rộng mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo; phát triển đa dạng ngành nghề và hình thức đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu của xã hội. Ưu tiên đào tạo lao động cho các ngành kinh tế trọng điểm, như: lọc hoá dầu, điện tử, du lịch, may mặc, da giày, chế biến nông, lâm, thủy sản...; đảm bảo nhân lực cho Khu kinh tế và các KCN. Hoàn thành đầu tư cơ sở vật chất các trường đại học; thành lập phân hiệu tại Thanh Hóa của một số trường Đại học lớn. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, thợ bậc cao tham gia dạy nghề.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã

hội; giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội bức xúc, bảo đảm an sinh xã hội.

- Đẩy mạnh phát triển các tổ chức khoa học công nghệ ngoài công lập; tăng đầu tư từ NSNN cho khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh hợp tác khoa học với các nước có trình độ cao...; xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ, tâm huyết, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Quan tâm đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy; xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao nghiệp vụ của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, gắn với xây dựng trường chuẩn quốc gia. Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ y tế; đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật cho các bệnh viện tuyến dưới và mở rộng điều trị ngoại trú để giảm quá tải ở các bệnh viện. Thành lập các khoa khám bệnh quốc tế trong một số bệnh viện công lập; các bệnh viện vệ tinh của bệnh viện Trung ương. Tăng cường công tác y tế dự phòng; quản lý chặt chẽ hoạt động y dược tư nhân. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa y tế.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Triển khai thực hiện tốt CTMTQG giảm nghèo nhanh và bền vững; Nghị quyết của BCH Tỉnh ủy về công tác giảm nghèo ở các huyện miền núi. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội.

- Giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, nhất là tình trạng khiếu kiện về đất đai, ô nhiễm môi trường, tội phạm ma túy, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông và những tiêu cực trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

7. Tăng cường bảo vệ và cải thiện môi trường; khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản trái phép; các dự án đã được nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng không triển khai thực hiện. Rà soát quy hoạch các dự án thủy điện, thu hồi những dự án không có hiệu quả, ảnh hưởng đến môi trường, nguy cơ mất an toàn. Hoàn thành công tác đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của xã hội về bảo vệ môi trường đi đôi với tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường.

8. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng quản lý, chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình CCHC; trọng tâm là rà soát, đơn giản hóa thủ tục; thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính. Đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; đề cao trách nhiệm của CBCC trong thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan. Tiếp tục thực

hiện tốt quy định "3 không" trong giải quyết công việc cho tổ chức và công dân; siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính; tăng cường kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy chế; thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá mức độ hoàn thành và xếp loại cán bộ, công chức.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết này, UBND tỉnh có quyết định giao kế hoạch định hướng chi tiết cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư và đơn vị có liên quan triển khai thực hiện; trong đó cụ thể hóa cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện, thời gian hoàn thành để tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác thực hiện giám sát, động viên các tầng lớp nhân dân phát huy vai trò làm chủ, tích cực thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi nhân dân các dân tộc trong tỉnh, chiến sỹ các lực lượng vũ trang nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, phát huy tính năng động, sáng tạo, vượt qua mọi khó khăn thách thức, thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2016 - 2020

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCTN, VPCP;
- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ KH và ĐT, Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến